

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 30-5-2025

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về con
chung, tài sản chung, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Khắc Hoàn

Ông Hoàng Ngọc Tùng

Thư ký phiên toà: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 30/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14/02/2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về con chung, tài sản chung, nợ chung".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 24/2024/HNGĐ-ST ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2025/QĐXX-PT ngày 04/4/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị C, sinh năm: 1977; địa chỉ: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Phạm Lương Đ, sinh năm: 1978; địa chỉ: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; người đại diện theo pháp luật: bà Cao Thị Hồng L – Chủ tịch UBND (Vắng mặt).

2. Ngân hàng N chi nhánh huyện K; địa chỉ: phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; người đại diện: bà Trương Thị Hà A – Phó Giám đốc chi nhánh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ngân hàng C4; địa chỉ: thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; người đại diện: ông Trần Quốc H – Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ NHCSXH huyện K (*Vắng mặt*).

4. Quỹ tín dụng nhân dân liên xã K - T; địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; người đại diện: bà Nguyễn Thị H1 – Giám đốc (*Vắng mặt*).

5. Ông Phạm Xuân T; sinh năm: 1951; địa chỉ: thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

6. Bà Phạm Thị Q, sinh năm: 1952; địa chỉ: thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

7. Ông Hồ Văn K, sinh năm: 1976; địa chỉ: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Bà Phạm Thị K1, sinh năm: 1985; địa chỉ: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

8. Chị Đào Thị M, sinh năm: 1985; địa chỉ: TDP A, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

9. Chị Phạm Thị Q1, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

10. Anh Nguyễn Thừa T1, sinh năm: 1988; địa chỉ: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

11. Anh Nguyễn V, sinh năm: 1985; địa chỉ: thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

12. Chị Phạm Đặng Phương T2, sinh năm: 2001; địa chỉ: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

- *Người làm chứng*: Ông Võ Xuân D; địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

Do có kháng cáo của bị đơn anh Phạm Lương Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 24/2024/HNGĐ-ST ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị C trình bày:

Chị Đặng Thị C và anh Phạm Lương Đại C1 sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến ngày 18/11/2021, đăng lý kết hôn hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tình cảm hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường uống rượu say, chửi bới,

ghen tuông vô cớ, đánh đập và và đe dọa giết chị C1. Đến nay đầu năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị C1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Đặng Thị C và anh Phạm Lương Đ có 04 con chung, gồm:

Họ và tên: Phạm Đặng Thảo P, sinh ngày 02 -7 - 2001

Họ và tên: Phạm Đặng Phương T2, sinh ngày 13 -9 - 2002

Họ và tên: Phạm Đặng Quỳnh C2, sinh ngày 12 -12 – 2012

Họ và tên: Phạm Đặng Phương U, sinh ngày 01 -11 - 2015

Cháu Phạm Đặng Thảo P và Phạm Đặng Phương T2 đã trên 18 tuổi. Chị C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Phạm Đặng Quỳnh C2 và Phạm Đặng Phương U và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung

Về tài sản chung: Vợ chồng có khối tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 76, tờ bản đồ số 47 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số BU 728851 ngày 06/02/2015 mang tên ông Phạm Lương Đ và bà Đặng Thị C.

+ Một ngôi nhà cấp 3, xây 2 tầng và 1 gác lửng, kết cấu bê tông cốt thép xây dựng trên thửa đất số 76, tờ bản đồ số 47 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;

+ Quyền sử dụng thửa đất số 83, tờ bản đồ số 47, diện tích: 362,6m², đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 162,6m² thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp GCNQSDĐ số CK 173676 ngày 09/11/2017 mang tên ông Phạm Lương Đ và bà Đặng Thị C.

+ Quyền sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 47, diện tích 390,2m², trong đó có 200m² đất ở và 190,2m² đất trồng cây lâu năm thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp GCNQSDĐ số CK 173675 ngày 09/ 11/2017, mang tên ông Phạm Lương Đ và bà Đặng Thị C.

Chị C đề nghị toà án phân chia khối tài sản chung trên theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chị C và anh Đ có các khoản nợ chung gồm:

- Nợ ngân hàng C4, tại phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền gốc 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng), cùng tiền lãi theo hợp đồng.

- Nợ ngân hàng N, chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), cùng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 3704LAV20195210 ngày 24 tháng 10 năm 2019. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 76 thuộc T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 728851 do UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

cấp ngày 06 tháng 02 năm 2015 cho Phạm Lương Đ và Đặng Thị C. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà 02 tầng.

- Nợ quỹ tín dụng nhân dân K2 – Thọ số tiền 120.000.000 đồng.
- Nợ của chị Đào Thị M (thôn T, K, K, Hà Tĩnh) số tiền 50.000.000 đồng.
- Nợ của anh Nguyễn V, địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 100.000.000 đồng.

Chị C đề nghị Tòa án phân chia trách nhiệm thanh toán số nợ chung trên.

Bị đơn anh Phạm Lương Đ trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn thống nhất như trình bày của chị C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tình cảm bình thường. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân. Anh thừa nhận quá trình mâu thuẫn có gây thương tích cho vợ. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đại đồng ý ly hôn với chị C. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Đ không đồng ý ly hôn như theo nguyện vọng của chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung như trình bày của chị C. Anh Đ có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Phạm Đăng Quỳnh C2 và Phạm Đăng Phương U. Anh Đ không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng gồm có các tài sản như chị C trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh Đ đề nghị Tòa án không phân chia khối tài sản chung trên, bởi lẽ:

- Đối với Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 47 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh: Thửa đất này nguồn gốc là của ông Phạm Xuân T (bố đẻ) của anh Đ cho cháu gái Phạm Đăng Thảo P, nhưng do thời điểm cho cháu P chưa đủ tuổi, nên đã làm thủ tục sang tên cho chị C và anh Đ. Nay anh Đ đề nghị chuyển nhượng thửa đất này lại cho cháu Phạm Đăng Thảo P.

- Đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 47 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và tài sản gắn liền với đất gồm 01 ngôi nhà xây cấp 3, có 2 tầng và 1 gác lửng, kết cấu bê tông cốt thép: Anh Đ đề nghị vợ chồng để lại cho các con.

- Đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 47 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh: Anh Đ đề nghị bán để trả hết các khoản nợ chung của hai vợ chồng.

Về nợ chung:

- Đối với khoản nợ quỹ tín dụng Khang Thọ số tiền 120.000.000 đồng từ 2017. Nhưng ông Phạm Xuân T (là bố đẻ) đã trả thay cho chị C và anh Đ, nay anh Đại đồng ý sẽ trả lại cho ông T số tiền 60.000.000 đồng, còn chị C trả cho ông T số tiền 60.000.000 đồng.

- Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách huyện K tổng nợ 67.000.000đ và khoản nợ Ngân hàng N chi nhánh K số tiền 150.000.000đ: Anh Đ đề nghị phân chia khoản nợ này theo quy định của pháp luật.

- Đối với khoản nợ anh Hồ Văn K tổng số tiền là 214.000.000đ. Nếu chị C không đồng ý trả nợ thì anh Đ sẽ tự một mình trả cho anh Hồ Văn K.

- Đối với khoản nợ Chị Đào Thị Mỹ 50.000.000đ, nợ anh Nguyễn Việt 1. Hai khoản nợ này anh Đ không biết nội dung vay để làm gì nên anh Đ không đồng ý trả khoản nợ này.

- Đối với khoản nợ chị Phạm Thị Q1 số tiền 40.000.000đ là tiền hai vợ chồng vay, nếu chị C không đồng ý trả thì anh Đ tự một mình trả cho chị Q1.

Ngoài ra vợ chồng chị C, anh Đ còn cho anh Nguyễn Thừa T1 vay số tiền 60.000.000đ từ ngày 31/5/2017, nhưng anh T1 đã trả 20.000.000đ nay còn lại 40.000.000đ (chưa tính lãi) số tiền này anh T1 đã trả cho anh Đ, khi trả chị C không ở nhà nên chị C không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Phạm Xuân T trình bày:

Đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 47 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và ngôi nhà cấp 3, xây 2 tầng và 1 gác lửng, kết cấu bê tông cốt thép. Nguồn gốc đất và nhà là của ông Phạm Xuân T. Nay vợ chồng chị C anh Đ ly hôn ông T đề nghị vợ chồng cho các cháu.

Đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 47 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất này nguồn gốc là của ông Phạm Xuân T (bố đẻ) của anh Đ cho cháu gái Phạm Đặng Thảo P, nhưng do thời điểm cho cháu P chưa đủ tuổi, nên đã làm thủ tục sang tên cho chị C và anh Đ. Bây giờ vợ chồng ly hôn ông T đề nghị chuyển nhượng thửa đất này lại cho cháu Phạm Đặng Thảo P.

Đối với khoản nợ vợ chồng anh chị C, Đ vay quỹ tín dụng nhân dân K2 – T3: Ông T và vợ là bà Q đã vay số tiền 220.000.000 đồng tại quỹ tín dụng nhân dân K2 – T3 trong đó 120.000.000 đồng dùng để trả nợ và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cho vợ chồng anh chị C, anh Đ, còn 100.000.000 đồng ông T đã đưa lại cho anh Đ để nuôi các cháu ăn học. Nay ông Phạm Xuân T đề nghị vợ chồng chị C, anh Đ trả tổng số tiền là 220.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Q trình bày: thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Xuân T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C4 trình bày: Anh Đ và chị C ký kết Hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng C4 số tiền 70.000.000đ, nhưng anh Đ, chị C đã trả được 3.000.000đ tiền gốc và lãi đến ngày 30/9/2024. Nay vợ chồng anh Đ và chị C ly hôn, Ngân hàng đề nghị Tòa án phân chia trách nhiệm trả nợ của chị C và anh Đ đối với khoản nợ còn lại là 67.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng cho Ngân hàng C4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N chi nhánh huyện K trình bày: Anh Đ và chị C ký kết hợp đồng tín dụng vay Ngân Hàng N chi nhánh huyện K số tiền 150.000.000đ tiền gốc. Anh Đ và chị C đã nộp tiền lãi đầy đủ cho đến ngày 30/9/2024. Nay vợ chồng anh Đ và chị C ly hôn, Ngân hàng đề nghị Tòa án phân chia trách nhiệm trả nợ của chị C và anh Đ đối với

khoản nợ gốc là 150.000.000đ và tiền lãi theo hợp đồng cho Ngân Hàng N chi nhánh huyện K

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân K2 – T3 trình bày: Anh Đ và chị C có vay của Quỹ tín dụng nhân dân K2 – Thọ số tiền 120.000.000 đồng. Nhưng ông Phạm Xuân T đã thay chị C, anh Đ đã tất toán toàn bộ khoản nợ trên. Vì vậy, Quỹ tín dụng nhân dân K2 – T3 không yêu cầu gì về việc trả nợ đối với anh Đ và chị C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn K trình bày: Năm 2018 vợ chồng chị C, anh Đ vay của anh K số tiền gốc 155.000.000đ; tiền lãi 79.000.000 đồng, anh Đ chị C đã trả 20.000.000đ tiền lãi. Nay vợ chồng ly hôn anh K yêu cầu vợ chồng chị C, anh Đ trả cho anh K tổng cộng 214.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Quy trình B: Ngày 23/12/2019 chị C anh Đ có vay của chị Q1 số tiền 40.000.000đ. Nay chị Q1 yêu cầu chị C và anh Đ trả cho chị số tiền 40.000.000đ.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 24/2024/HNGĐ-ST ngày 28/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 107, 116, 117 và 118, 33, 46, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219, 357 Bộ luật Dân sự; khoản 1, 2, 4 điều 147, 157, 165, khoản 1 điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 6 Điều 26, điểm a, b khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, 1.3 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị C3. Chị Đặng Thị C được ly hôn anh Phạm Lương Đại .

Về con chung: Giao các con chung Phạm Đặng Quỳnh C2 sinh ngày: 12/12/2012 và Phạm Đặng Phương U sinh ngày 01/11/2015 cho chị Đặng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Lương Đ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ mỗi cháu (hai cháu 2.000.000đ cho mỗi tháng), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Giao cho anh Phạm Lương Đ được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 76 tờ bản đồ số 47, diện tích 169,3m² (trong đó đất ở 70m², đất trồng cây lâu năm 99,3m²) thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh có GCNQSDĐ số BU 728851 ngày 06/02/2015 mang tên Phạm Lương Đ và Đặng Thị C và được quyền sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 3, xây 2 tầng và 1 gác lửng, kết cấu bê tông cốt thép gắn liền với thửa đất.

Giao cho chị Đặng Thị C được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 83 tờ bản đồ số 47, diện tích: 362,6m² (trong đó đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 162,6m²) thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh có GCNQSDĐ số CK 173676 ngày 09/11/2017 mang tên ông Phạm Lương Đ và bà Đặng Thị C và phần nhà kho xây dựng trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 47. Anh Phạm Lương Đ

có nghĩa vụ thanh toán cho chị Đặng Thị C số tiền chênh lệch tài sản là 265.592.333đ (hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm chín mươi hai ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)

Giao cho cháu Phạm Đặng Thảo P sở hữu, sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 47, diện tích 390,2m² (trong đó đất ở 200m² và đất trồng cây lâu năm 190,2m²) mang tên Phạm Lương Đ và Đặng Thị C thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Chị Đặng Thị C; anh Phạm Lương Đ; Cháu Phạm Đặng Thảo P có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: Buộc anh Phạm Lương Đ phải thanh toán cho Ngân hàng N chi nhánh huyện K số tiền nợ 150.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; Trả cho ông Phạm Xuân T và bà Phạm Thị Q số tiền 18.500.000 đồng; Trả cho anh Hồ Văn K số tiền và chị Phạm Thị K1 số tiền 214.000.000đ.

Buộc chị Đặng Thị C phải thanh toán cho ông Phạm Xuân T và Phạm Thị Q số tiền 101.500.000 đồng và Ngân hàng C4 chi nhánh huyện K số tiền 67.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tài sản là căn nhà trên thửa đất số 76 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là tài sản của ông T. Ngày 22/02/2025, ông T tiếp tục có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các tài sản có trên thửa đất số 83 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là tài sản của ông T.

Ngày 12/10/2024, bị đơn anh Phạm Lương Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị C; trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con là cháu Phạm Đặng Quỳnh C2 và cháu Phạm Đặng Phương U; về tài sản chung, anh Đ yêu cầu được giao cả hai thửa đất (thửa đất số 76 và 83), nhà cho anh Đ và anh Đ sẽ thanh toán cho chị C số tiền bằng 40% giá tài sản theo kết quả định giá; về nợ chung, anh Đ đề nghị Tòa án chia đôi; Đối với thửa đất của bố mẹ anh Đ trước đây tặng cho chị Phạm Đặng Thảo P (thửa đất số 84) thì vợ chồng làm thủ tục giao lại cho con.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Xuân T có đơn xin rút nội dung kháng cáo tại đơn kháng cáo ngày 22/02/2025, cụ thể ông T xin rút nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các tài sản trên thửa đất số 83, chỉ đề nghị xem xét tài sản là căn nhà trên thửa đất số 76 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là tài sản của ông T như tại đơn kháng cáo ngày 03/10/2024 của ông.

Anh Phạm Lương Đ có đơn xin rút một phần nội dung kháng cáo, cụ thể anh Đ xin rút nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về việc cho vợ chồng ly hôn, về con chung và nợ chung; anh Đ chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giao cho anh Đ được quản lý, sử dụng thửa đất số 83 và anh Đ sẽ thanh toán cho chị C số tiền bằng 40% giá tài sản theo kết quả định giá.

Các đương sự không thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự; phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Phạm Lương Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân T; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 24/2024HNGB-ST ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị C với bị đơn anh Phạm Lương Đ về việc "*Ly hôn, tranh chấp về con chung, tài sản chung, nợ chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[3]. *Về nội dung kháng cáo*:

Đối với kháng cáo (lần 2) của ông Phạm Xuân T về việc đề nghị xem xét các tài sản trên thửa đất số 83 là của ông T, đơn kháng cáo về nội dung này được ông T gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo đường bưu điện vào ngày 24/02/2025. Xét thấy nội dung kháng cáo này của ông T là quá hạn, mặt khác ông T cũng đã có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét về nội dung này.

Đối với kháng cáo của anh Phạm Lương Đ về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung, anh Đ đã có đơn xin rút các nội dung kháng cáo này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ giải quyết đối với các nội dung này.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết kháng cáo của ông Phạm Xuân T về tài sản là căn nhà trên thửa đất số 76 và kháng cáo của anh Phạm Lương Đ yêu cầu được giao sở hữu đối với thửa đất số 83 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

[3.1]. Về kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân T đối với tài sản là căn nhà trên thửa đất số 76 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh:

Về nguồn gốc thửa đất số 76 từ bản đồ số 47 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, các đương sự đều thừa nhận do ông T và bà Q (bố mẹ anh Đ) tặng cho vợ chồng anh Đ, chị C thời điểm năm 2000. Thời điểm ông T, bà Quảng T4 cho vợ chồng thửa đất nói trên, trên thửa đất đã có 01 căn nhà 02 gian nhỏ, xây tường gạch tấp lờ, lợp ngói. Sau này, vợ chồng anh Đ, chị C cải tạo, xây dựng từ căn nhà nhỏ đó thành ngôi nhà cấp 3, xây 2 tầng và 1 gác lửng, kết cấu bê tông cốt thép. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Xuân T cho rằng toàn bộ căn nhà nói trên là do ông T xây dựng nên từ năm 2000; anh Phạm Lương Đ cho rằng ông T xây dựng phần lớn căn nhà, thời điểm sau này (khoảng năm 2018) thì vợ chồng mới xây thêm tầng hầm gắn với mái che phía trên tầng hầm, liền kề phía trước căn nhà.

Tại biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân xã K ngày 25/4/2025, đại diện Ủy ban nhân dân xã K cho biết thời điểm năm 2000 khi ông T cho vợ chồng C Đại thửa đất và tài sản trên đất thì lúc đó trên thửa đất số 76 chỉ có 01 căn nhà 02 gian nhỏ, sau này khi vợ chồng C Đại được cho thửa đất và về sinh sống tại thửa đất thì mới bắt đầu cải tạo, xây dựng căn nhà. Việc cải tạo, xây dựng căn nhà là do vợ chồng chị C anh Đ thực hiện. Chính quyền địa phương cũng khẳng định thửa đất số 76 và tài sản trên thửa đất số 76 là tài sản chung của vợ chồng anh Đại đồng T5 theo quan điểm của chính quyền địa phương thì việc phân chia tài sản chung của vợ chồng anh Đ, chị C như bản án sơ thẩm là có căn cứ, hợp tình hợp lý.

Về thời điểm xây dựng căn nhà, Hội đồng xét xử xét thấy, khoảng năm 2000, ông Phạm Xuân T đã cho vợ chồng anh Đ, chị C nhà và đất đối với thửa đất số 76 từ bản đồ số 47 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Mặc dù ông T cho rằng vào năm 2000, ông T đã xây dựng toàn bộ căn nhà cấp 3, 2 tầng và 1 gác lửng, tuy nhiên vợ chồng anh Đ, chị C hay đại diện chính quyền địa phương đều khẳng định thời điểm năm 2000, trên thửa đất mới chỉ có 01 căn nhà 02 gian nhỏ. Sau này khi anh Đ, chị C được cho nhà và đất và về sinh sống thì mới bắt đầu cải tạo, xây dựng căn nhà vào nhiều thời điểm, và đến khoảng năm 2018 mới hoàn thành toàn bộ căn nhà. Do đó việc ông T cho rằng toàn bộ căn nhà đã được ông T xây dựng từ năm 2000 là không có căn cứ.

Về người xây dựng căn nhà, ông T và anh Đ đều cho rằng ông T là người trực tiếp xây dựng căn nhà. Tuy nhiên ông T đã cho vợ chồng anh Đ, chị C thửa đất và căn nhà nhỏ trên đất từ năm 2000. Tại bản kê khai tài sản chung vợ chồng có tại hồ sơ anh Đ cũng xác nhận và kê khai thửa đất số 76 và tài sản hiện có trên thửa đất đó là tài sản chung vợ chồng; việc xây nhà được anh thực hiện theo từng giai đoạn, bố mẹ có xây giúp; phần móng tầng hầm xây lên gắn với mái che phía trên tầng hầm cùng với mái che liền kề phía trước mặt tiền ngôi nhà cấp 3 vợ chồng mới làm năm 2018. Theo lời trình bày của chị C và xác nhận của chính quyền địa phương, sau khi vợ chồng về sinh sống tại thửa đất số 76 thì vợ

chồng anh Đ, chị C là người trực tiếp cải tạo, xây dựng căn nhà hiện tại đang ở. Khi vợ chồng cải tạo, xây dựng căn nhà, ông T không có bất cứ ý kiến gì vì thực tế ông T đã cho vợ chồng toàn bộ thửa đất và tài sản (là ngôi nhà nhỏ) có trên đất. Có thể trong quá trình vợ chồng xây nhà, ông T có hỗ trợ vợ chồng về vật chất, tinh thần, nhưng việc ông T, anh Đ cho rằng toàn bộ căn nhà của vợ chồng do ông T xây là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của ông Phạm Xuân T về việc đề nghị Tòa án xem xét toàn bộ căn nhà trên thửa đất số 76 tờ bản đồ số 47 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là của ông T là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2]. Về nội dung kháng cáo của anh Phạm Lương Đ về việc đề nghị giao thửa đất số 83 thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cho anh được sở hữu sử dụng và anh đưa lại 40% giá trị đất theo định giá của cấp sơ thẩm cho chị C:

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Đặng Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Đăng Quỳnh C2 và Phạm Đăng Phương U, chị C là người lao động tự do. Vì vậy sau khi ly hôn là người phụ nữ nên chị C là người gặp khó khăn hơn so với anh Phạm Lương Đ nên cần được ưu tiên nhận tài sản là thửa đất số 83 cùng tài sản trên đất để ổn định cuộc sống là phù hợp theo quy định tại điểm a, khoản 4, khoản 6, Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật HN&GD. Mặt khác tại bản án sơ thẩm số 24 ngày 28/9/2024 của TAND huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh đã phân chia thửa đất số 76 cùng toàn bộ tài sản trên đất cho anh Đ sở hữu sử dụng. Vì vậy việc cấp sơ thẩm phân chia thửa đất số 83 theo tỷ lệ anh Đ được hưởng 60% giá trị tài sản, chị C được hưởng 40% giá trị tài sản và chia đôi giá trị tài sản trên đất đồng thời giao cho chị C được sở hữu sử dụng thửa đất số 83 cùng tài sản trên đất và chị C thanh toán cho anh Đ số tiền bằng 60% giá trị thửa đất số 83 và ½ giá trị tài sản trên đất để chị C có điều kiện tạo lập chỗ ở, ổn định cuộc sống, sinh sống nuôi con, làm việc là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của anh Phạm Lương Đ về việc giao cho anh Đ thửa đất số 83, tờ bản đồ số 47, diện tích: 362,6m² (trong đó đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 162,6m²) thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cho anh Đ được quản lý, sử dụng và anh Đ sẽ thanh toán cho chị C số tiền bằng 40% giá tài sản theo kết quả định giá là không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn anh Phạm Lương Đ không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Đình chỉ đối với nội dung kháng cáo của bị đơn anh Phạm Lương Đ về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn anh Phạm Lương Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân T; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 24/2024/HNGĐ-ST ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 33, 46, 59, 81, 82, 83, 107, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 213, 219, 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 148, Điều 147, 157, 165, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a, b khoản 5, khoản 6 Điều 27; điểm c khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị C3. Chị Đặng Thị C được ly hôn anh Phạm Lương Đại.

2. Về con chung: Giao các con chung Phạm Đặng Quỳnh C2 sinh ngày: 12/12/2012 và Phạm Đặng Phương U sinh ngày 01/11/2015 cho chị Đặng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Lương Đ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ mỗi cháu (hai cháu 2.000.000đ cho mỗi tháng), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Phạm Lương Đ được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 76 tờ bản đồ số 47, diện tích 169,3m² (trong đó đất ở 70m², đất trồng cây lâu năm 99,3m²) thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh có GCNQSDĐ số BU 728851 ngày 06/02/2015 mang tên Phạm Lương Đ và Đặng Thị C và được quyền sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 3, xây 2 tầng và 1 gác lửng, kết cấu bê tông cốt thép gắn liền với thửa đất.

Giao cho chị Đặng Thị C được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 83 tờ bản đồ số 47, diện tích: 362,6m² (trong đó đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 162,6m²) thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh có GCNQSDĐ số CK 173676 ngày 09/11/2017 mang tên ông Phạm Lương Đ và bà Đặng Thị C và phần nhà kho xây dựng trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 47. Anh Phạm Lương Đ có nghĩa vụ thanh toán cho chị Đặng Thị C số tiền chênh lệch tài sản là

265.592.333đ (hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm chín mươi hai ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)

Giao cho cháu Phạm Đăng Thảo P sở hữu, sử dụng thửa đất số 84, tờ bản đồ số 47, diện tích 390,2m² (trong đó đất ở 200m² và đất trồng cây lâu năm 190,2m²) mang tên Phạm Lương Đ và Đặng Thị C thuộc thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Chị Đặng Thị C; anh Phạm Lương Đ; Cháu Phạm Đăng Thảo P có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất.

4. Về nợ: Buộc anh Phạm Lương Đ phải thanh toán cho Ngân hàng N chi nhánh huyện K số tiền nợ 150.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; Trả cho ông Phạm Xuân T và bà Phạm Thị Q số tiền 18.500.000 đồng; Trả cho anh Hồ Văn K và chị Phạm Thị K1 số tiền 214.000.000đ.

Buộc chị Đặng Thị C phải thanh toán cho ông Phạm Xuân T và Phạm Thị Q số tiền 101.500.000 đồng và Ngân hàng C4 chi nhánh huyện K số tiền 67.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Đặng Thị C đã nộp 10.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Chị C đã nộp đủ.

Anh Phạm Lương Đ có nghĩa vụ đưa lại cho chị Đặng Thị C số tiền 5.000.000đ.

Đình chỉ xét xử đối với việc Chị Phạm Thị C3 nợ của chị Đào Thị M (thôn T, K, K, Hà Tĩnh) số tiền 50.000.000 đồng. Nếu sau này có tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đặng Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 19.777.000 đồng (sau khi đã quy tròn) án phí chia tài sản), 8.425.000đ án phí nợ chung, 3.240.000đ án phí nộp cho cháu Phạm Đăng Thảo P nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005339 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, chị C còn phải tiếp tục nộp số tiền là 28.942.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn đồng). Buộc anh Phạm Lương Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng, 27.715.417đồng tiền án phí chia tài sản và 19.125.000đ tiền án phí nợ chung, 3.240.000đ án phí nộp cho cháu Phạm Đăng Thảo P. Tổng số tiền anh Phạm Lương Đ phải chịu là 50.081.000đ (Năm mươi triệu không trăm tám mươi một ngàn đồng, sau khi đã quy tròn). Ông Phạm Xuân T và bà Phạm Thị Q được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm X được trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0005360 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Chị Đào Thị M được trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ đã nộp theo biên lai số 0005341 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Hồ Văn K được trả lại số tiền

tạm ứng án phí 4.375.000đ đã nộp theo biên lai số 0005337 ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Phạm Lương Đ phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm (Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002520 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Tòa án, THADS cấp sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Kỳ Thọ, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Khắc Hoàng

